

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoà

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trường Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-LĐ, Ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 59/2026/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988
CMND số: 183 577 100 Công an tỉnh H cấp

Số CCCD: 0421 8801 9261, ngày cấp: 30/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, thành phố H, Tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH S (Việt Nam)

Địa chỉ: Lô E, khu chế xuất L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1993

Thường trú: T, T, Thanh Hóa.

Tạm trú: Số A đường L, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại phiên họp bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 cùng vắng mặt nhưng cùng có đơn xin vắng mặt. Công ty TNHH S (Việt Nam) vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu và lời khai nhận có trong hồ sơ Người yêu cầu bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011, bà Nguyễn Thị N có cho người em họ là Nguyễn Thị N1 mượn chứng minh nhân dân số 183 577 100 do Công an tỉnh H cấp để thực hiện giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S (Việt Nam) – địa chỉ Lô E, khu chế xuất L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, theo đó Công ty TNHH S (Việt Nam) đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động dưới tên bà Nguyễn Thị N số sổ: 7908358136 tại BHXH cơ sở T, thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng thời điểm tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011, bà Nguyễn Thị N cũng đang làm việc và đóng BHXH tại Công ty TNHH E có địa chỉ là 7A, T, KCN S, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Số sổ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị N: 9107248934 hiện tại do Bảo hiểm xã hội phường D, thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Năm 2025, bà Nguyễn Thị N phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2011 giữa Công ty TNHH S (Việt Nam) – địa chỉ Lô E, khu chế xuất L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH E - địa chỉ: G, T, KCN S, D, Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2011 là vô hiệu. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu nào khác. Do bận công việc bà Nguyễn Thị N xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, kể cả phiên họp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH S (Việt Nam) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ việc, quyết định mở phiên họp, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp nhưng đều vắng mặt không có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2011, bà Nguyễn Thị N1 có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động và đi làm tại Công ty TNHH S (Việt Nam) và có tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên bà Nguyễn Thị N. Lý do bà N1 thời điểm đó chưa đủ tuổi được cấp giấy chứng minh nhân dân nhưng vẫn có nhu cầu đi làm. Thời gian đã lâu bà N1 không còn lưu giữ hợp đồng lao động nên không có để cung cấp cho toà án. Bà N1 đồng ý yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2011 là vô hiệu. Bà N1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu. Bà N1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, kể cả tại phiên họp.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp, Thẩm phán và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu do bà Nguyễn Thị N1 mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N để xác lập quan hệ lao động và làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam) địa chỉ Lô E, khu chế xuất L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Người yêu cầu bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Công ty TNHH S (Việt Nam) vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011 là vô hiệu

Căn cứ công văn số 483/BHXXH – KTra ngày 10/03/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Thủ Đức thấy rằng bà Nguyễn Thị N có sổ sổ bảo hiểm xã hội: 7908358136 tại BHXH cơ sở T, thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH S (Việt Nam) - địa chỉ Lô E, khu chế xuất L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh đóng trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011;

Căn cứ sổ sổ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị N: 9107248934 hiện tại do Bảo hiểm xã hội phường D, thành phố Hồ Chí Minh quản lý thấy rằng bà Nguyễn Thị N cũng có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2008 đến tháng

01 năm 2011 do Công ty TNHH E - địa chỉ: G, T, KCN S, D, Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) đóng;

Đối chiếu các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời khai nhận của các đương sự là phù hợp có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị N có quá trình đóng bảo hiểm xã hội bị trùng Từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011 giữa Công ty TNHH S (Việt Nam) và Công ty TNHH E.

Tháng 8 năm 2008 thông tin bà Nguyễn Thị N có giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH S (Việt Nam) nhưng không thực tế lao động mà người trực tiếp lao động là bà Nguyễn Thị N1. Tại thời điểm đó bà Nguyễn Thị N thực tế đang làm việc tại Công ty TNHH E. Như vậy, trong cùng khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011 thì thông tin bà Nguyễn Thị N cùng lúc làm việc tại hai công ty là Công ty TNHH S (Việt Nam) và Công ty TNHH E. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các đương sự về việc bà N1 đã mượn chứng minh nhân dân của bà N để làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam).

Khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *‘Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp sau đây: ... Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này...’*

Khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *‘Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực ...’*

Bà N1 sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S (Việt Nam) đã vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong suốt khoảng thời gian bà N1 mượn thông tin nhân thân của bà N để làm việc tại công ty TNHH S (Việt Nam) là vô hiệu (cụ thể khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 01/2011) là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là có cơ sở.

[2.3] Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[2.4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị N.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Nguyễn Thị N1 ký) và Công ty TNHH S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 01 năm 2011 là vô hiệu.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

3/ Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025680 ngày 13/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ lệ phí.

4/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị N, Công ty TNHH S (Việt Nam), bà Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 - TP.HCM
- Phòng THA Khu vực 2 - TP.HCM
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Hoà

